TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-PT
Ngày: 09/01/2024
V/v tranh quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán*: Ông Thái Văn Hà.

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa***: Bà Đặng Thị Thanh Trúc- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2023/DS-ST ngày 24 tháng 07 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Hoài Ân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 207/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị C; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lê Thị L1; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thu H; có mặt.

3. Bà Lê Thị V; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định.

4. Bà Lê Thị T; vắng mặt.

5. Bà Lê Thị y; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn H, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định.

6. Bà Lê Thị D; cư trú tại: Thôn Đ, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

7. Bà Lê Thị C1; cư trú tại: Thôn H, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

8. Bà Lê Thị Đ; cư trú tại: Thôn T, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Công trình b:

Bà Nguyễn Thị L là em ruột của bà. Trong thời gian còn sống, cha, mẹ bà có một thửa đất tại thôn P, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định xây dựng nhà tranh, vách đất ở từ trước năm 1975, vợ chồng bà ở chung với cha mẹ, bà L cũng ở đó. Năm 1975 cha bà chết, năm 1980 mẹ bà chết. Năm 1982, vợ chồng bà phá bỏ nhà tranh, xây dựng lại nhà như bây giờ. Năm 1993, nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà với diện tích 1/2 thửa đất của cha mẹ bà, thửa đất của bà có số hiệu 477, tờ bản đồ số 2, diện tích 1210m^2, còn 1/2 diện tích thì giao cho bà L sử dụng. Năm 1995, bà L phá bỏ nhà dưới, xây dựng nhà liền kề với nhà dưới của bà để ở, năm 2018 chồng bà chết. Năm 2019, mẹ con bà L xây dựng nhà trên phần đất được cấp cho bà L, phần diện tích nhà cũ thì bà L không sử dụng. Năm 2020, do nhà cũ bị hư hỏng nên bà dự tính phá bỏ để xây dựng lại, bà yêu cầu bà L tháo gỡ phần diện tích nhà của bà L, nhưng bà L không chấp nhận. Nay bà yêu cầu toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải tháo gỡ nhà cũ, trả lại diện tích đất cho bà xây dựng nhà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà là em ruột của bà Nguyễn Thị C, cha mẹ bà có một ngôi nhà như bà Công trình b, bà và vợ chồng bà C ở cùng với cha mẹ. Cha bà chết năm 1975, mẹ bà chết năm 1980. Năm 1982 bà Công phá bỏ nhà trên để xây dựng lại, đến năm 1993 nhà nước cân đối giao quyền sử dụng 1/2 diện tích thửa đất cho bà C, năm 1995 thì bà cũng phá bỏ nhà dưới để xây dựng lại nhà để bà ở. Năm 1996 bà được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 1/2 diện tích thửa đất còn lại, thửa đất của bà có số hiệu 1321, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.210m2. Năm 2019 con bà xây dựng nhà trên phần đất được giao quyền, bà ở đó nhưng cũng thường xuyên qua lại diện tích nhà cũ. Năm 2020 bà C yêu cầu bà tháo gỡ nhà cũ để bà C xây dựng nhà, nhưng bà không chấp nhận. Nay bà không chấp nhận yêu cầu của bà C.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Các bà Lê Thị L1, Lê Thị T, Lê Thị D, Lê Thị C1, Lê Thị Y, Lê Thị Đ, Lê Thị V trình bày: Các bà là con của bà C, các bà thống nhất như trình bày và yêu cầu của bà C. Phần diện tích nhà của bà L xây dựng là trên đất của bà C, hiện nay bà L có nhà ở với con trên thửa đất của bà L, nên bà L phải tháo gỡ nhà cũ để trả lại diện tích đất cho bà C xây dựng nhà, vì nhà cũ đã hư hỏng.

Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà thống nhất như trình bày và yêu cầu của bà L (là mẹ của bà), vì nhà của mẹ bà xây dựng trên đất của ông bà cho mẹ bà sử dụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2021/DS-ST ngày 24 tháng 07 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải tháo gỡ toàn bộ diện tích công trình xây dựng trên thửa đất số hiệu 477, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.210m2 (300m2 đất ở, 910m2 đất vườn) tại thôn P, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H cấp ngày 25/9/1993 cho hộ ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị C (phần công trình tháo gỡ có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị C phải hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị L giá trị công trình nhà và chuồng heo tổng cộng là 3.508.925 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03 tháng 08 năm 2023 bà Nguyễn Thị L kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2023/DS-ST ngày 24 tháng 07 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Hoài Ân.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, HĐXX thấy rằng: Cấp sơ thẩm buộc bà L phải tháo dỡ phần công trình xây dựng trên đất để trả lại đất cho bà Nguyễn Thị C là có cơ sở, bởi lẽ: Thứ nhất, nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha mẹ bà C, bà L để lại. Tại sổ đăng ký ruộng đất vào sổ tháng 01 năm 1996 thể hiện: Năm 1993, ông Lê Văn B (chồng bà C) đại diện hộ gia đình đăng ký, kê khai xin cấp quyền sử dụng 06 thửa đất, trong đó có thửa đất số 477, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.210m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 910m^2 đất vườn) theo Quyết định số: 274/QĐ-UB ngày 24/6/1993 của UBND huyện H và hộ gia đình ông B đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00673/QSDĐ ngày 25/9/1993. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị L do bà L đại diện đăng ký, kê khai xin cấp quyền sử dụng 03 thửa đất, trong đó có thửa đất số 1321, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.210m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 910m^2 đất vườn) và hộ gia đình bà L đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00293 ngày 05/9/2011 (BL: 47A, 47B). Như vậy, thửa đất của cha mẹ bà C, bà L để lại đã được chia thành 02 thửa, có diện tích bằng nhau và Nhà nước đã giao cho hộ bà C, bà L

mỗi hộ được quyền sử dụng một thửa (BL: 04). Thứ hai, tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2023, bà L đã khai: *"...Năm 1993, Nhà nước có chủ trương giao QSDĐ cho hộ cá nhân, tôi có đến đội trưởng kê khai diện tích đất, nhưng tôi không giao nộp giấy phân thơ, vì lúc đó ai cũng kê khai miệng chứ không có giấy tờ gì, nhưng vợ chồng bà C tự ý kê khai để được cấp sổ đỏ ½ diện tích, còn tôi chưa được nhận sổ do sổ bị thất lạc...Tôi nghĩ sự việc cấp đất cho các bên đã xong nên gia đình tôi không có ý kiến gì về việc cấp sổ. Đối với phần nhà cũ thì tôi xây dựng năm 1995, sát với nhà của bà C, chị em sống chung với nhau..."*. Như vậy, bà L đã mặc nhiên thừa nhận thửa đất số 477, tờ bản đồ số 8 là thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình bà C (BL: 04). Thứ ba, tại thời điểm bà L xây nhà (năm 1995), thì phần đất này của cho mẹ các bà đã được Nhà nước giao quyền cho hộ gia đình bà C nên bà L xây dựng nhà là xây trên đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình bà C, chứ không phải xây trên đất của cha mẹ các bà để lại. Hơn nữa, hiện nay mẹ con bà L đã xây dựng nhà mới trên phần đất được Nhà nước giao quyền sử dụng, ngôi nhà cũ hiện đã xuống cấp, hư hỏng nên bà C yêu cầu bà L phải tháo dỡ ngôi nhà cũ của bà L, để bà C Xây dựng nhà ở là có cơ sở.

[2] Từ phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị L là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì bà Nguyễn Thị L được miễn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX. Ý kiến về việc giải quyết vụ án là không phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2021/DS-ST ngày 24 tháng 07 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị L phải tháo gỡ toàn bộ phần công trình xây dựng (nhà ở, chuồng heo…), do bà L xây dựng trên thửa đất của hộ gia đình bà

Nguyễn Thị C có số hiệu 477, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.210m^2 tọa lạc tại thôn P, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00673/QSDĐ ngày 25/9/1993, do UBND huyện H cấp cho hộ ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị C (phần công trình tháo gỡ có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

1.2 Buộc bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị L 3.508.925 đồng giá trị phần công trình xây dựng bị tháo dỡ.

2. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1 Về án phí: Bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị L được miễn.

2.2 Chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị C 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Hoài Ân;
- CCTHADS huyện Hoài Ân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình Thái Văn Hà **Võ Công Phương**

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Công và bà Nguyễn Thị Lang được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Xét nguồn gốc thửa đất: Theo lời khai của các đương sự và các tài liệu thu thập được, thì thửa đất của bà Công và bà Lang sử dụng là đất của cha mẹ, vợ chồng bà Công và bà Lang ở chung tại ngôi nhà tranh, vách đất của cha mẹ. Sau khi cha mẹ chết thì bà Công và bà Lang vẫn ở chung; năm 1982, bà Công phà bỏ nhà củ, xây dựng lại nhà như bây giờ. Năm 1993, nhà nước có chủ trương giao QSDĐ cho hộ cá nhân, bà Công và bà Lang kê khai và yêu cầu công nhận QSDĐ. Ngày 25/9/1993, UBND huyện Hoài Ân cấp giấy chứng nhận

QSDĐ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Công, giấy chứng nhận đứng tên chồng bà Công là ông Lê Văn Bình, thửa đất có số hiệu 477 tờ bản đồ số 2, diện tích 1.210m2 (300m2 đất ở, 910m2 đất vườn); ngày 06/01/1996, UBND huyện Hoài Ân cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Nguyễn Thị Lang, thửa đất có số hiệu 1321 tờ bản đồ số 8, diện tích 1.210m2 (300m2 đất ở, 910m2 đất vườn); như vậy thửa đất của cha mẹ bà Công, bà Lang được tách ra làm 2 thửa, giao cho mỗi bên 1/2; bà Công và bà Lang sử dụng ổn định, không có tranh chấp; phần đất của bà Lang thì sử dụng trồng hoa màu, còn phần đất của bà Công thì có nhà và các công trình phụ của hai bên. Do vậy thửa đất số hiệu 477 là đất được nhà nước giao QSD cho vợ chồng bà Công, chồng bà Công chết thì bà Công là người sử dụng hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Trong thời gian trước đây, bà Công và bà Lang sống chung cùng ngôi nhà của cha mẹ. Sau khi cha mẹ chết, năm 1982 nhà bị hư hỏng nên bà Công phá bỏ, xây dựng lại. Năm 1995, bà Lang xây dựng liền kề với nhà dưới của bà Công 01 phòng để sử dụng; đồng thời bà Công và bà Lang xây dựng mỗi người một diện tích chuồn heo trên thửa đất của bà Công để chăn nuôi. Đến năm 2018, chồng bà Công chết, năm 2019 mẹ con bà Lang xây dựng nhà ở riêng trên phần diện tích đất được giao quyền, còn diện tích nhà củ và chuồn heo thì không sử dụng, hiện nay đã hư hỏng, xuống cấp; ngôi nhà của bà Công cũng hư hỏng, không đảm an toàn, nên bà định dự định xây dựng lại. Nhưng do diện tích nhà của bà Lang gắng liền, nên bà Công yêu cầu bà Lang tháo gỡ nhà và chuồn heo để bà xây dựng nhà, nhưng bà Lang không chấp nhận nên bà Công khiếu nại đến UBND xã Ân Đức; UBND xã Ân Đức tiến hành xác minh giải quyết, xác định phần diện tích nhà và chuồn heo của bà Lang xây dựng trên đất được giao QSD cho bà Công, thực tế diện tích nhà và chuồn heo bà Lang không còn sử dụng, do vậy yêu cầu bà Lang tháo gỡ công trình để trả lại đất cho bà Công, nhưng bà Lang không chấp hành. Xét thấy hiện nay bà Lang đã có nhà ở riêng, không còn sống chung với bà Công, diện tích nhà và chuồn heo của bà Lang xây dựng trên diện tích đất được nhà nước giao quyền cho bà Công; hiện nay bà Lang không còn sử dụng, đã xuống cấp; nên bà Công yêu cầu bà Lang tháo gỡ diện tích nhà, chuồn heo để cho bà Công xây dựng lại nhà là hợp lý, vì ngôi nhà của bà Công hiện nay đã bị hư hỏng, phần diện tích nhà của bà Lang cũng hư hỏng, hai diện tích nhà gắng liền với nhau, chung vách nên bà Công tháo gỡ nhà của bà thì ảnh hưởng đến diện tích nhà của bà Lang; do vậy cần buột bà Lang tháo gỡ toàn bộ diện tích nhà và chuồn heo để trả lại diện tích đất cho bà Công sử dụng là đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với diện tích nhà và chuồn heo, bà Nguyễn Thị Lang xây dựng trên đất của bà Công: Bà Nguyễn Thị Công và bà Nguyễn Thị Lang là chị em ruột, nên trong thời gian còn sống chung, bà Lang có cải tạo thêm diện tích nhà và xây dựng chuồn heo trên đất của bà Công; hai bên cùng hoà thuận, bà Công chấp nhận việc xây dựng của bà Lang, nên tài sản này là quyền sở hữu hợp pháp của bà Lang. Đến năm 2020, bà Công có nhu cầu xây dựng lại nhà là chính đáng, vì nhà củ đã bị xuống cấp, không đảm bảo an toàn cho sử dụng. Do vậy việc bà Công Yêu cầu bà Lang tháo gỡ công trình để trả lại đất cho bà Công xây

dựng lại nhà là đúng quy định của pháp luật. Xét diện tích nhà và chuồn heo là tài sản của bà Lang, bà Công phải có trách nhiệm hỗ trợ giá trị còn lại của diện tích nhà và chuồn heo cho bà Lang là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 12/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản do Toà án thành lập; phần nhà của bà Lang có diện tích 84m2, cấp nhà N9, giá trị còn lại 5%; diện tích chuồn heo là 17,5m2, cấp loại C5, giá trị còn lại 5%. Giá trị tài sản được tính theo quy định tại Quyết định số 52/2022/QĐUB ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định, về giá xây dựng trong địa bàn tỉnh Bình Định:

- Nhà ở: (84m2 x 1.498.000/m2) x 5% = 6.291.600đ;

- Chuồn heo: (17,5m2 x 830.000đ/m2) x 5% = 726.250đ

Tổng giá trị là: 7.017.850 (bảy triệu, không trăm mười bảy ngàn, tám trăm năm chục đồng). Hiện nay bà Nguyễn Thị Công là người tuổi cao, diều kiện kinh tế khó khăn, do vậy chỉ cần buột bà Công thối lại 1/2 giá trị nhà và chuồn heo cho bà Lang, với số tiền 3.508.925đ là hợp tình, hợp lý.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện VKSND huyện Hoài Ân phù hợp với nhận định của HĐXX, nên chấp nhận.

[7] Về chi phí thẩm định: Bà nguyễn Thị Công được chấp nhận một phần yêu cầu, nên bà Công và bà Lang phải chịu chi phí thẩm định. Bà Nguyễn Thị Công đã tạm ứng 6.000.000đ, nên bà Nguyễn Thị Lang phải giao lại cho bà Công 3.000.000đ.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Công và bà Nguyễn Thị Lang là người già, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui ñònh taïi Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 cuûa Ủy ban thöôøng vuï Quoác hoäi khóa 14, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí, án phí của tòa án;

Vì caùc leõ treân;

QUYEÁT ÑÒNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật TTDS 2015. Điều 4, Điều, Điều 101 của Luật Đất dai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 cuûa Ủy ban thöôøng vuï Quoác hoäi khóa 14;

Tuyeân xöû:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

- Buột bà Nguyễn Thị Lang phải tháo gỡ toàn bộ diện tích công trình xây dựng trên thửa đất số hiệu 477, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.210m2 (300m2 đất ở, 910m2 đất vườn) tại thôn Phú Thuận, xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; theo giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện Hoài Ân cấp ngày

25/9/1993 cho hộ ông Lê Văn Bình và bà Nguyễn Thị Công (phần công trình tháo gỡ có sơ đồ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị Công phải hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Lang giá trị công trình nhà và chuồn heo tổng cộng là 3.508.925đ (ba triệu, năm trăm lẻ tám ngàn, chín trăm hai lăm đồng).

2. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

"Trườnghợpbảnán, quyếtđịnhđượcthihànhtheoquyđịnhtạiĐiều 2 củaLuậtThihànhándânsựthìngườiđượcthihànhándânsự, ngườiphảithihànhándânsựcóquyềnthoảthuậnthihànhán, quyềnyêucầuthihành, tựnguyệnthihànhánhoặcbịcưỡngchếthihànhántheo qui địnhtạicácĐiều 6, Điều 7 vàĐiều 9 LuậtThihànhándânsự; thờihiệuthihànhánđượcthựchiệntheo qui địnhtạiĐiều 30 LuậtThihànhándânsự".

3. Chi phíthẩmđịnh, địnhgiá: BàNguyễnThịCôngđãtạmứng 6.000.000đ (chi phíxong), bàNguyễnThị Lan phảigiaolạichobàCông 3.000.000đ

4. Ánphí: BàNguyễnThịCôngvàbàNguyễnThị Lang đượcmiễntoànbộánphídânsựsơthẩm.

5. Quyềnkhángcáo: Đươngsựcómặtcóquyềnkhángcáotronghạn 15 ngàykểtừngàytuyênán, đươngsựvắngmặtcóquyềnkhángcáotronghạn 15 ngàykểtừngàynhậnđượcbảnánhoặctừngàyniêmyếtcôngkhaibảnán; đềyêucầuTòaánnhândântỉnhBìnhĐịnhxétxửphúcthẩm.